

Liều dùng : Uống 2-6 viên/ngày. Thuốc đạn người lớn và trẻ em : 1-2 thuốc/ngày.

Sulfo - rutine

Dạng thuốc : Lọ 10ml thuốc nhỏ mắt có :

| | |
|------------------------------------|--------|
| <i>Sulfo-rutin</i> | 1g |
| <i>Na chlorid</i> | 0,025g |
| <i>Paraoxybenzoat methyl natri</i> | 0,005g |

Tác dụng : Che chở mạch.

Chỉ định : Giãn mao mạch- chảy máu dưới kết mạc.

Liều dùng : Nhỏ mắt 3-4 lần/ngày.

Sulfothiorine Pantothenique

Dạng thuốc : Hộp 100g thuốc cốm/viên có :

| | |
|-----------------------|-----------|
| <i>Lưu huỳnh</i> | 12/0,3g |
| <i>Na hyposulfid</i> | 2/0,005g |
| <i>Ca pantothenat</i> | 1/0,0125g |

Tác dụng : Điều trị tận gốc viêm bán cấp và mạn tính đường hô hấp trên và dưới.

Chỉ định : Các bệnh viêm cấp, bán cấp và mạn tính đường hô hấp trên và dưới - chảy nước, mũi mũi họng và phế quản.

Liều dùng : Uống 1-2 thìa cà phê thuốc cốm vào 1 trong 3 bữa ăn. Uống 3 viên vào 1 trong 3 bữa ăn. Dùng 3 tuần, mỗi tháng. Trẻ em dùng 1/4-1/2 liều người lớn.

Lưu ý : Có thể nhuận tràng ở một số người, nên giảm nửa liều lúc mới điều trị, rồi dùng liều bình thường
Còn có dạng ống phun mù 5ml

Sulfuryl monal

Dạng thuốc : Silicoaluminat natri có lưu huỳnh tạo ra H₂S ở trạng thái mới sinh. Viên để hít có 0,10g- viên ngậm hay nhai có 0,20g

Tác dụng : Lưu huỳnh dùng trong khoa tai mũi họng.

Chỉ định : Xuất tiết nước, nhày mũi ở đường hô hấp mạn tính, hay bị tái phát, sổ mũi tái phát, viêm mũi mạn tính, viêm xoang mạn tính, mũi vòm họng, trĩ mũi viêm mũi hầu chảy nước. Viêm amidan. Xuất tiết ống, màng nhĩ, viêm thanh quản chảy nước. Viêm mũi hầu đi lên, đa tiết phế quản, hen xuyên do ẩm ướt kèm xuất tiết.

Liều dùng : Hít thờ 2-3 lần/ngày. Bỏ 6-10 viên vào ống hít thờ. Nhai hay ngậm 4-6 viên/ngày. Dùng trong 3 tuần.

Supradine (Pháp)

Dạng thuốc : Viên nén sủi chứa các vitamin A, B₁, B₂, B₅, B₆, B₁₂, C, D₂,... và PP, kèm các muối khoáng Ca, Mn, Fe, Zn, Mo, Co.

Chỉ định : Phòng và trị các rối loạn dinh dưỡng do chế độ ăn thiếu hụt hoặc mất cân bằng, cho người cao tuổi và người trưởng thành. Các trường hợp lao lực, suy nhược, mới ốm dậy.

Liều dùng : Ngày 1 viên, hòa vào 1 cốc nước. Đợt dùng từ 10-20 ngày.

Lưu ý : Nên tránh dùng thuốc cho phụ nữ có thai trong 3 tháng đầu (Vi hàm lượng 5000 UI vitamin A/1viên.)

Supralox

Dạng thuốc : Hỗn dịch uống 250ml, 100ml có :

| | |
|---------------------------|----|
| <i>Magnesium hydroxyd</i> | 6g |
| <i>Aluminium hydroxyd</i> | 9g |

Tác dụng : Kháng acid dịch vị.

Chỉ định : Loét tá tràng tiến triển.

Liều dùng : Ngày 2 lần cà phê uống sau bữa ăn và trước khi đi ngủ.

Chống chỉ định : Suy thận nặng.

Lưu ý : Có thể có tác dụng phụ như : ỉa chảy, táo bón.

Surex (Hàn quốc)

Dạng thuốc : Viên nén có :

| | |
|---------------------------|---------|
| <i>Retinol palmitat</i> | 5.500IU |
| <i>Ergocalciferol</i> | 400IU |
| <i>Thiamin mononitrat</i> | 2,91mg |
| <i>Riboflavin</i> | 3,4mg |
| <i>Pyridoxin HCl</i> | 3,65mg |
| <i>Cyanocobalamin</i> | 9mcg |
| <i>Vitamin C</i> | 120mg |
| <i>Tocopherol acetat</i> | 30IU |
| <i>Acid folic</i> | 400mcg |
| <i>Nicotinamid</i> | 29,76mg |
| <i>Calci pantothenat</i> | 10,88mg |

Ngoài ra còn có biotin và các yếu tố vi lượng : Cu, Mg, Zn, Mn, Fe, K, I, Cr, Mo, Se...

Chỉ định : Bổ xung các vitamin và các ion kim loại cần thiết cho cơ thể.

Liều dùng : Ngày 1 lần x 1 viên.

Survitine (Pháp)

Dạng thuốc : Công thức viên nang đỏ có :